

Số: 2076/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNNPTNT-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 654-CV/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Phú Thọ về việc xây dựng khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 79/TTr-SNN ngày 17/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, áp dụng cho các khu dân cư thuộc các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (có Bộ tiêu chí kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới; kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện.

Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm chỉ đạo rà soát thực trạng các khu dân cư, xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn huyện đến năm 2020; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, khu dân cư tổ chức thực hiện; quyết định công nhận khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị căn cứ Quyết định thực hiện. / *Đ*

Nơi nhận:

- BCD TW các CT MTQG;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; (báo cáo);
- TT TU; TT HĐND;
- VPĐP nông thôn mới TW;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban Đảng thuộc TU;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Như Điều 3;
- PCVPTH;
- Công báo (02b)
- NCTH;
- Lưu: VT, KT7. *Đ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hải

BỘ TIÊU CHÍ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu quy định
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn (khu) và đường liên thôn (khu) ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥50%
		1.2. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥50% cứng hóa)
2	Điện	2.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt
		2.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%
3	Thông tin và Truyền thông	Khu dân cư có hệ thống loa truyền thanh	Đạt
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, dột nát.	Không
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 75%
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của khu bằng mức quy định của xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)	Đạt
6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2017-2020	≤ 12%
7	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%
8	Giáo dục và Đào tạo	8.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt
		8.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%
		8.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%
9	Y tế	9.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%
		9.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 26,7%
10	Văn hóa	10.1. Khu có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao theo quy định.	Đạt

		10.2. Khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt
11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	$\geq 90\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)
		11.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%
		11.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt
		11.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt
		11.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		11.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 70\%$
		11.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$
		11.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%
12	Hệ thống chính trị	12.1. Chi bộ khu đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh	Đạt
		12.2. Khu và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong khu đạt loại khá trở lên	Đạt
		12.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt
13	Quốc phòng và An ninh	13.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt
		13.2. Khu đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế.	Đạt